

Bản án số: 217/2026/DS-PT
Ngày 21-4-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch và ông K'Tiêng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Huệ, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2026/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày: 11 - 9 - 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 188/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 172/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1967; địa chỉ: B L, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng – *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc C - thuộc Công ty L3 - Đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: Số A T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng – *Có mặt.*

- Bị đơn: Ông Kơ Tría Ha B, sinh năm 1972 và bà Liêng Hót K, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Liêng Hót H1, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – *Có mặt.*

2. Anh Liêng Hót Ha L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – *Có mặt.*

3. Ông Bùi Tá C1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; địa

chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – *Có mặt.*

4. Ông Mbon Ha L1, sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – *Vắng mặt.*

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Á trình bày: Vào ngày 01/01/2021 gia đình bà K Glàng cần tiền để mua đất sản xuất nên bà H đã cho mượn số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), hạn thời gian trả nợ là ngày 30/6/2021 theo giấy cho mượn tiền vào ngày 01/01/2021. Tiếp đến vào ngày 26/6/2021 gia đình ông Kơ Tría Ha B, bà Liêng Hót K1' GLàng cần tiền mua thêm đất để sản xuất nên bà H đã cho mượn số tiền 540.000.000đ thời hạn trả nợ là 30/12/2021 theo giấy mượn tiền ngày 26/6/2021. Đến thời hạn trả nợ, bà H yêu cầu vợ chồng ông Kơ Tría Ha B, bà Liêng Hót K1' Glàng trả nợ thì ông bà cứ hứa hẹn cho đến nay vẫn chưa thanh toán các khoản nợ trên cho bà H. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Kơ Tría Ha B, bà Liêng Hót K có trách nhiệm thanh toán cho bà H các khoản nợ gốc và lãi cụ thể như sau: Số tiền gốc 2 lần mượn là: 400.000.000đ + 540.000.000đ = 940.000.000đ; Lãi suất tính từ thời điểm mượn tiền cho đến thời điểm Tòa án xét xử:

- Lãi suất của số tiền 400 triệu đồng (tạm tính kể từ thời điểm mượn tiền 01/01/2021 cho đến thời điểm viết đơn khởi kiện tháng 10/2024 là 45 tháng)

$$400.000.000đ \times 1,5\% \times 45 \text{ tháng} = 270.000.000đ.$$

- Lãi suất của số tiền 540.000.000đ (tạm tính kể từ thời điểm mượn tiền 26/6/2021 cho đến thời điểm viết đơn khởi kiện tháng 10/2024 là 40 tháng)

$$540.000.000đ \times 1,5\% \times 40 \text{ tháng} = 324.000.000đ.$$

Tổng cộng số tiền bà H yêu cầu gốc và lãi là 940.000.000đ (gốc) + 594.000.000đ (lãi) = 1.534.000.000đ

Bị đơn ông Kơ T Ha Bang trình bày: Năm 2017, do cần tiền làm ăn thì M Ha Lước giới thiệu cho ông B đến nhà bà Nguyễn Thị Lệ H vay tiền làm ăn. Sau đó, vào ngày 03/3/2017 ông B cùng với M Ha Lước cùng 02 người nữa bên xã Đ là người môi giới đến nhà bà H vay tiền. Khi đi thì ông B không mang theo giấy tờ, khi đến nơi thì có nhờ con ruột của M1 qua nhà ông B lấy sổ hộ khẩu rồi mang lên nhà bà H. Khi đến nhà bà H thì Mbon H vay riêng của bà H số tiền 70.000.000đ và không thế chấp gì, Mbon Ha L1 có viết giấy vay tiền và bà H giữ giấy này và không đưa cho M Ha Lước. Ông Ha B thì vay của bà H số tiền là 70.000.000đ, có nhận 70.000.000đ và có đưa cho bà H là bản phô tô sổ hộ khẩu để làm tin, bà H viết giấy vay tiền, ông Ha B ký nhận và bà H cũng giữ giấy tờ này và không đưa lại cho ông B. Khi vay 02 số tiền này, bà H tính lãi suất là 5%/tháng thì Ha B và ông Mbon Ha L1 đồng ý. Thời hạn trả thì hai bên thỏa thuận và trả bất cứ khi nào có tiền. Sau khi về, ông Mbon Ha L1 cầm hết 140.000.000đ. Đến 13 ngày sau ông Ha B đi đòi thì ông L1 đưa cho Ha B 13.000.000đ.

Đến tháng 1 năm 2021 bà H xuống nhà Ha B và nói vợ và con ông Ha B ký

vào giấy trắng. Đến tháng 6 năm 2021 bà H đến nhà H. Lúc này này bà H nói cháu của ông B tên là Liêng Hót Ha L viết giấy mượn tiền và nói ông Ha B và vợ ký tên. Cả 02 lần viết giấy thì gia đình tôi đều không nhận tiền. Do ông B chỉ vay của bà H số tiền 70.000.000đ nên ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Liêng Hót K trình bày: Bà G và bà H không có quan hệ vay mượn tiền. Vào tháng 01 năm 2021 bà G và con trai là Liêng Hót Ha K3 đang ở nhà. Không có mặt ông Kơ Tría Ha B. Bà H nói ông Kơ T Ha Bang nợ tiền bà H nên bắt bà G và con trai viết giấy mượn tiền. Nhưng bà G và con trai không biết nội dung mượn tiền của ông Ha B nên không đồng ý viết giấy mượn tiền. Sau đó, bà H yêu cầu xác nhận bà G là vợ và Liêng Hót Ha K3 là con trai trên tờ giấy trắng không có nội dung. Con trai đã viết và ký tên “ con trai – Liêng Hót H’Khang”. Do tôi không biết chữ nên bà H yêu cầu con trai bà G viết tên “vợ và Liêng H2 K ‘Glang”. Sau đó bà G ký chữ không hiểu gì.

Đến tháng 6 năm 2021 bà H đi cùng chồng và con xuống nhà bà G. Khi đến thì trong nhà có Liêng Hót Ha L2, ông Kơ Tría Ha B và bà G. Khi đó bà H yêu cầu đưa cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang cầm ở chỗ ông C1. Vì vậy, bà H đưa cho ông Ha B 2.000.000đ để qua nhà ông C1 chuộc sổ. Sau khi lấy sổ thì ông Ha B đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Bà H yêu cầu Ha L viết giấy mượn tiền thì Ha L đồng ý. Sau đó, bà H đọc Ha L viết giấy mượn tiền và yêu cầu ông Ha B ký. Do bà G không biết chữ nên ông Ha B viết tên Liêng Hót K1’ Glang và bà G ký đại chữ không hiểu nội dung. Cả 02 lần viết giấy bà H đều không đưa tiền cho vợ chồng bà. Do đó bà G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông L1 trình bày: Vào năm 2017 ông L1 và ông Kơ Tría Ha B đang kẹt tiền. Ông L1 được bạn bè giới thiệu bà Nguyễn Thị Lệ H là người cho vay ở L. Sau đó, vào ngày 03/3/2021 ông L1 cùng với ông Kơ T Ha Bang đến nhà bà H vay tiền. Khi đi thì ông Kơ T Ha Bang cầm theo bản phô tô sổ hộ khẩu để làm tin. Khi đến nhà bà H thì ông L1 vay riêng của bà H số tiền 70.000.000đ và không thế chấp gì, ông L1 có viết giấy vay tiền và bà H giữ giấy này. Ông Kơ T Ha Bang thì vay của bà H số tiền là 70.000.000đ và có đưa cho bà H bản phô tô sổ hộ khẩu để làm tin, ông K2 Tría Ha B cũng viết giấy vay tiền và bà H cũng giữ giấy tờ này. Khi vay 02 số tiền này, bà H tính lãi suất là 5%/tháng thì ông Ha L1 và ông Ha B đồng ý. Thời hạn trả thì hai bên thỏa thuận và trả bất cứ khi nào có tiền. Sau khi về thì ông B thấy lãi suất cao nên đã đưa lại cho ông Ha L1 55.000.000đ và nói Ha L1 cần thì vay, còn nếu không thì trả lại cho bà H. Sau đó, ông Ha L1 dùng số tiền 55.000.000đ và không trả lại cho bà H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng vì ông Ha B chỉ vay 70.000.000đ. Ngoài ra ông không có tranh chấp với ai trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông K3 trình bày: ông K3 và bà H không có quan hệ vay mượn tiền. Ông K3 chỉ gặp bà H 01 lần duy nhất vào tháng 1 năm 2021. Khi đó ông K3 và mẹ của ông K3 là bà G đang ở nhà. Không có mặt ông Kơ Tría Ha B. Bà H nói ông Kơ T Ha Bang nợ tiền bà H nên yêu cầu

ông K3 và bà G viết giấy mượn tiền. Nhưng ông K3 và bà G không biết nội dung mượn tiền của ông Ha B nên không đồng ý viết giấy mượn tiền. Sau đó, bà H yêu cầu xác nhận là ông K3 con trai và bà G là vợ rồi ký tên trên tờ giấy trắng không có nội dung. Ông K3 đã viết và ký tên “con trai – Liêng Hót H’Khang”. Do bà G không biết chữ nên bà H yêu cầu ông K3 viết tên “vợ và Liêng H2 K ‘Glang”. Sau đó yêu cầu bà G ký chữ bà G không biết chữ nên không hiểu gì. Còn vào ngày 26/6/2021 thì không có mặt ông K3. Ông K3 cũng không hiểu tại sao lại ghi tên ông K3 trong giấy mượn tiền. Ông K3 không vay tiền và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi với số tiền 594.000.000đ. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời trình bày.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày: 11 - 9 - 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng đã quyết định: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 103, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 124, 131, 400, 401, 404, 463 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 594.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Kơ Tría Ha B và bà Liêng Hót K trả nợ số tiền 940.000.000đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H trả lại cho chủ hộ là ông Kơ T Ha Bang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 197485 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/10/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873249 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 18/4/2008.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25-9-2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Kơ T Ha Bang phải trả cho bà H số tiền

189.306.600 đồng (gồm nợ gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi 119.306.600 đồng). Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H và bị đơn ông Kơ T Ha Bang phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ H nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Nguyên đơn căn cứ giấy mượn tiền ngày 01/01/2021 và giấy cho mượn tiền ngày 26/6/2021 khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 970.000.000đ và yêu cầu tính lãi, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 970.000.000đ.

[2.2]. Xét “*giấy cho mượn tiền*” đề ngày 01/01/2021 có nội dung thể hiện bà K và ông Liêng Hót Ha K3 vay của bà H số tiền 400.000.000 đồng, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 197485 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/10/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873249 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 18/4/200802. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận chữ ký tại giấy cho mượn tiền ngày 01/01/2021 là của mình nhưng cho rằng khi ký là giấy trắng, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung này.

[2.3]. Xét “*giấy mượn tiền*” ngày 26/6/2021 có nội dung bị đơn vay nguyên đơn số tiền 540.000.000 đồng nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn khai nhận nội dung giấy mượn tiền ngày 26/6/2021 do cháu bị đơn (*Liêng Hót Ha L*) là người viết và thừa nhận đã đọc, ký tên tại giấy vay tiền. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng không có việc giao nhận tiền. Xét thấy, theo nội dung giấy cho mượn tiền đề ngày 01/01/2021 có thể hiện việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 197485 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/10/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873249 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 18/4/2008; nội dung giấy mượn tiền ngày 26/6/2021 (trước thời hạn trả nợ 400.000.000 đồng là 04 ngày) thể hiện nội dung số tiền vay là 540.000.000 đồng và cũng thể hiện thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 197485 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/10/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873249 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 18/4/2008. Mặt khác, bị đơn (ông Kơ Tría Ha B) khai nhận năm 2017 bị đơn và ông L1 có vay của nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng đến nay chưa trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Mặc dù nguyên đơn không thừa nhận số tiền cho vay năm 2017 như bị đơn và ông L1 trình bày nhưng nguyên đơn thừa nhận bản thân nguyên đơn có hoạt động cho các hộ dân vay tiền nên có cơ sở xác định việc vay tiền giữa các bên trên thực tế là có thỏa thuận lãi suất, theo lời khai của bị đơn lãi suất 5%/tháng thì số tiền gốc và lãi của 400.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 suýt soát 540.000.000 đồng.

Như vậy, với những tình tiết nêu trên và căn cứ vào nội dung giấy mượn tiền ngày 26/6/2021 có thể hiện việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 197485 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/10/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873249 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 18/4/2008 đã được thể hiện trong nội dung giấy cho mượn tiền ngày 01/01/2021 nên có đủ cơ sở xác định giấy mượn tiền ngày 26/6/2021 là giấy xác nhận nợ thay thế cho giấy cho mượn tiền đề ngày 01/01/2021.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 940.000.000 đồng là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan và chính xác.

[2.4]. Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số nợ gốc 940.000.000 đồng theo quy định của pháp luật là 594.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.5]. Về việc tuyên trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn trong khi bị đơn không có yêu cầu phản tố hay có ý kiến trình bày đối với nội dung này là ngoài phạm vi giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận hiện đang cầm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 197485 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 03/10/2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873249 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 18/4/2008 đứng tên bị đơn và đồng ý sẽ giao trả lại cho bị đơn theo nội dung đã thỏa thuận khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên cần ghi nhận là phù hợp.

[2.5]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 540.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 26/6/2021; bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2021 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3]. Do nguyên đơn không thừa nhận có việc cho bị đơn vay số tiền 70.000.000 đồng từ năm 2017 và bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho nội dung này nên không có căn cứ chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc buộc bị đơn phải trả nợ gốc cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ năm 2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4]. Về án phí:

[4.1]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[4.2]. *Án phí dân sự phúc thẩm*: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ H, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày: 11 - 9 - 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng.

Áp dụng Điều 288, khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Buộc ông Kơ Tría Ha B và bà Liêng Hót K phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền nợ gốc là 540.000.000đ (*năm trăm bốn mươi triệu đồng*).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ H về việc yêu cầu ông Kơ T Ha Bang và bà Liêng H2 K'Glàng trả tiền lãi 594.000.000 đồng trên số tiền nợ gốc 940.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc ông Kơ T Ha Bang và bà Liêng Hót K phải chịu 25.600.000đ (*hai mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 29.100.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006316 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền 9.100.000đ (*chín triệu một trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006316 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006244 ngày 22-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa PT TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Ứng